

Bản án số: **140/2017/HSST**
Ngày: 22/12/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lý Kim Anh.
2. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trịnh Nguyễn Hạnh Ngân - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đinh Quốc Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 169/2017/HSST ngày 17 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Lê Đức L; Giới tính: nam; Sinh ngày: 23/5/1999; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 974/11 đường LG, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: nhà không số, tổ 2, ấp 6, xã LMX, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: phụ buôn bán; Trình độ văn hóa: 4/12; Con ông: không rõ (bị cáo khai cha tên Phạm Đức T) và bà: Lê Thị C; Có vợ: không và con: không; Tiền sự: không; Tiền án: không; Bị bắt tạm giam ngày 04/10/2017.

(có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Lưu Thái B; Sinh năm: 1990; Trú tại: 185N đường MXT, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

2. Ông Mai Văn T; Sinh năm: 1982; Trú tại: 729 đường LBB, phường PTH, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

NHẬN THẤY

Bị cáo Lê Đức L bị Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 02 giờ ngày 04/10/2017, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Quận 6 phát hiện Lê Đức L đang điều khiển xe gắn máy biển số 59D2-

074.58 chở Lưu Thái B đến trước nhà số 759 đường HG, Phường K, Quận F có biểu hiện nghi vấn, nên tiến hành kiểm tra và đã thu giữ trong túi quần bên phải của L 01 bịch nylon bên trong có chứa tinh thể không màu và 11 viên nén màu xanh (L khai đó là ma túy khay và thuốc lắc). Ngoài ra, còn thu giữ tại chỗ của L 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia màu đen và số tiền 1.360.000 đồng; thu giữ của Lưu Thái B 02 chiếc điện thoại di động cùng hiệu Iphone, 01 chiếc xe gắn máy biển số 59D2-074.58 và số tiền 350.000 đồng. Sau đó, đã giao L, B cùng vật chứng nêu trên cho Công an Phường K, Quận F giải quyết.

Tại Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Lê Đức L khai: Do nghiện ma túy, nên khoảng 22 giờ ngày 03/10/2017, L đến ngã tư đường TVK - đường CL, Phường K, Quận F mua của Lưu Thái V (anh của Lưu Thái B) 03 bịch ma túy tổng hợp và 10 viên thuốc lắc với giá 5.500.000 đồng rồi vào quán Bar 2000 để cùng các bạn sử dụng (nhưng chưa sử dụng). Đến khoảng 02 giờ ngày 04/10/2017, L đi về. Khi vừa ra khỏi quán Bar 2000 thì L gặp Lưu Thái B nên nhờ B chở về dùm thì bị phát hiện bắt giữ như nêu trên. Ngoài ra, L còn khai ngoài Lưu Thái V, L còn mua ma túy của Lưu Thái B và tính đến ngày bị bắt, L đã mua ma túy của B 02 lần.

Cơ quan điều tra đã tiến hành cho Lê Đức L đối chất với Lưu Thái V, Lưu Thái B, nhưng V và B đều không nhận có bán ma túy cho Lê Đức L.

Tại Kết luận giám định số: 1605/KLGD-H ngày 13 tháng 10 năm 2017, Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận: 01 gói niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Lê Đức L và hình dấu Công an Phường K, Quận F gửi đến giám định, bên trong có:

- Tinh thể không màu trong 03 gói nylon là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1,8429g (một phẩy tám bốn hai chín gam), loại Ketamine.
- 10 viên nén hình chữ nhật màu xanh trong 01 gói nylon là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 3,3574g (ba phẩy ba năm bảy bốn gam), loại MDMA.
- 01 viên nén hình tròn viên răng cưa màu xanh trong 01 gói nylon là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,3167g (không phẩy ba một sáu bảy gam), loại MDMA.

Đối với Lưu Thái V và Lưu Thái B, do không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự, nên không đề nghị xử lý.

Tại Cáo trạng số 137/CTr-VKS ngày 17 tháng 11 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Lê Đức L về tội « Tàng trữ trái phép chất ma túy » theo khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Đức L khai nhận chính bị cáo đã thực hiện hành vi mua 03 bịch ma túy tổng hợp và 10 viên thuốc lắc với giá 5.500.000 đồng để sử dụng và bị Công an phát hiện bắt quả tang như bản cáo trạng nêu. Còn 01 viên thuốc lắc (hình tròn viên răng cưa màu xanh), là của một người bạn (không rõ lai lịch) cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lê Đức L như bản cáo trạng và sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi

phạm tội, nhân thân của bị cáo cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Phạt bị cáo Lê Đức L từ 02 năm đến 03 năm tù về tội « Tàng trữ trái phép chất ma túy » theo khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Không phạt tiền đối với bị cáo, do bị cáo không có khả năng thi hành.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia, vỏ màu đen (không có số Imei).

Tịch thu, tiêu hủy 01 gói có chứa ma túy tổng hợp đã được niêm phong, bên ngoài có ghi vụ số: 1605/17/Q.6, có chữ ký của giám định viên Trần Đình Hải và cán bộ điều tra Võ Văn Thái; 01 sim điện thoại có số thuê bao 0902320833.

Trả lại bị cáo Lê Đức L số tiền 1.360.000 đồng.

Các vật chứng khác Cơ quan điều tra đã xử lý xong, nên không đề nghị xử lý.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

XÉT THẤY

Lời khai của bị cáo Lê Đức L tại phiên tòa là phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Kết luận giám định, lời khai của người làm chứng tại Cơ quan điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Đức L đã cất giữ ma túy ở thể rắn (có khối lượng 1,8429 gam loại Ketamine) và 11 viên thuốc lắc (có khối lượng 3,6741 gam loại MDMA), để sử dụng, là phạm tội « Tàng trữ trái phép chất ma túy », tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Hành vi của bị cáo Lê Đức L không những đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về việc cất giữ chất ma túy mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an chung.

Bị cáo Lê Đức L có đủ khả năng nhận thức được hành vi cũng như hậu quả do hành vi của mình gây ra, nhưng để thỏa mãn lối sống không lành mạnh và nhất là xem thường pháp luật, nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội nêu trên.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Lê Đức L là nghiêm trọng, bởi ma túy nói chung và ma túy tổng hợp nói riêng là chất gây nghiện độc hại, việc sử dụng ma túy đã gây tác hại rất lớn và ảnh hưởng rất xấu đến sức khỏe, làm mất khả năng lao động, học tập của chính người sử dụng và đây cũng chính là nguyên nhân gây ra các tệ nạn xã hội và tội phạm khác, do đó Hội đồng xét xử thấy cần phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc, tương xứng mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và để phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu, bản thân chưa có tiền án, tiền sự, nên Hội đồng xét

xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt khi lượng hình theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 194 của Bộ luật hình sự thì bị cáo Lê Đức L còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, xét bị cáo phạm tội không vụ lợi và có hoàn cảnh khó khăn, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

Việc xử lý vật chứng: Phương tiện mà bị cáo Lê Đức L sử dụng vào việc phạm tội là 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia, vỏ màu đen (không có số Imei), Hội đồng xét xử tịch thu, sung quỹ nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Còn 01 gói có chứa ma túy tổng hợp đã được niêm phong, bên ngoài có ghi vụ số: 1605/17/Q.6, có chữ ký của giám định viên Trần Đình Hải và cán bộ điều tra Võ Văn Thái; 01 sim điện thoại có số thuê bao 0902320833, là vật cấm lưu hành, vật không có giá trị hoặc không sử dụng được, nên Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a, điểm đ khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với số tiền 1.360.000 đồng thu giữ của bị cáo Lê Đức L. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị trả lại cho bị cáo vì không đủ chứng cứ xác định do bị cáo phạm tội mà có. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 3 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự.

(theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 205/PNK ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Công an Quận 6 - BL42).

Đối với các tài sản thu giữ của ông Lưu Thái B gồm: 02 chiếc điện thoại di động cùng hiệu Iphone, 01 chiếc xe gắn máy biển số 59D2-074.58 và số tiền 350.000 đồng. Cơ quan điều tra xác định là tài sản hợp pháp của ông B, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Lê Đức L, nên đã xử lý trả lại ông B (theo hai Biên bản về việc trả lại tài sản ngày 13/11/2017 và ngày 14/11/2017 - BL122, 123), do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

Đối với các ông Lưu Thái V, Lưu Thái B, Viện kiểm sát xác định không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Bị cáo Lê Đức L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo **Lê Đức L** phạm tội: « Tàng trữ trái phép chất ma túy ».

- Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 và Điều 45 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

- Xử phạt bị cáo **Lê Đức L** 02 (hai) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 04/10/2017.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Nokia, vỏ màu đen (không có số Imei).

- Áp dụng điểm a, điểm đ khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) gói có chứa ma túy tổng hợp đã được niêm phong, bên ngoài có ghi vụ số: 1605/17/Q.6, có chữ ký của giám định viên Trần Đình Hải và cán bộ điều tra Võ Văn Thái; 01 (một) sim điện thoại có số thuê bao 0902320833.

- Áp dụng khoản 3 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại bị cáo Lê Đức L 1.360.000 (một triệu ba trăm sáu mươi ngàn) đồng.

- Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Lê Đức L phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bị cáo Lê Đức L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 6;
- Công an Quận 6;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Quận 6;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ đến vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thùy Liên